

Thứ năm, ngày 30 tháng 11 năm 2023

## Vietnam Daily Review

### VN-Index điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 1/12/2023		●	
Tuần 20/11-24/11/2023		●	
Tháng 11/2023		●	

#### Nhận định:

**Thị trường cơ sở:** Sau hai phiên tăng điểm trước đó, hôm nay VN-Index đã có sự điều chỉnh. Giảm điểm từ lúc mới mở cửa, VN-Index kết phiên tại mốc 1,094.13 điểm, giảm gần 9 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/18 ngành giảm điểm, trong đó mức giảm mạnh nhất thuộc về ngành Du lịch và Giải trí. Ở chiều ngược lại, ngành Hóa chất có một phiên giao dịch tích cực hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Xu hướng giằng co trước ngưỡng kháng cự 1,100 vẫn chưa kết thúc. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

**Hợp đồng tương lai:** Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

**Chứng quyền:** Trong phiên giao dịch ngày 30/11/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

#### Điểm nhấn:

- VN-Index **-8.67** điểm, đóng cửa **1094.13** điểm. HNX-Index **-0.39** điểm, đóng cửa **226.15** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VGC (+0.2)**, **GVR (+0.15)**, **SJS (+0.14)**, **VHM (+0.11)**, **ITA (+0.1)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VGC (0.2)**, **GVR (0.15)**, **SJS (0.14)**, **VHM (0.11)**, **ITA (0.1)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13165** tỷ đồng, tăng **14.25%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **14668** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.39 điểm. Thị trường có **138** mã tăng, **89** mã tham chiếu, **362** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-394.38** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-104.09 tỷ)**, **FUESSVFL (-91.18 tỷ)**, **MSN (-79.95 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-91.23** tỷ đồng.

#### Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-0.74%**. Các mã diễn biến tích cực: **VGC (+3.22%)**, **DCM (+1.43%)**, **DPM (+1.07%)**.
- BSC50 **-0.36%**. Các mã diễn biến tích cực: **HT1 (+2.95%)**, **FRT (+2.61%)**, **DBC (+2.07%)**.

#### Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Y tế	0.76%	Truyền thông	-0.79%
Hóa chất	0.36%	Tài nguyên Cơ bản	-1.36%
Công nghệ Thông tin	0.18%	Bảo hiểm	-1.42%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.13%	Ô tô và phụ tùng	-1.51%
Xây dựng và Vật liệu	-0.16%	Dầu khí	-1.95%
Bán lẻ	-0.43%	Thực phẩm và đồ	-2.11%
Dịch vụ tài chính	-0.45%	Du lịch và Giải trí	-3.09%
Hàng & Dịch vụ Công	-0.47%	VNSML	0.06%
Ngân hàng	-0.60%	VNMID	-0.29%
Bất động sản	-0.69%	VN30	-1.05%
Điện, nước & xăng dầu khí	-0.75%		

#### BSC RESEARCH

##### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

##### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

**VN-INDEX** **1094.13**

Giá trị: 13165.27 tỷ **-8.67 (-0.79%)**

Khối ngoại (ròng): -394.38 tỷ

**HNX-INDEX** **226.15**

Giá trị: 1970.41 tỷ **-0.39 (-0.39%)**

Khối ngoại (ròng): -91.23 tỷ

**UPCOM-INDEX** **84.99**

Giá trị: 343.26 tỷ **-0.06 (-0.06%)**

Khối ngoại (ròng): -21.8 tỷ

#### Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	83.1	1.70%
Giá vàng	2,044	0.10%
Tỷ giá USD/VND	24,274	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,518	-0.42%
Tỷ giá JPY/VND	165.04	-0.02%
LS liên NH 1 tháng	1.00%	
LS TPCP 5 năm	1.91%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

#### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	86.34	VNM	-104.09
NKG	58.30	FUESSVFL	-91.18
EVF	39.16	MSN	-79.95
FRT	37.23	HPG	-63.40
KOS	31.09	VIC	-54.91

Nguồn: BSC Research

#### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

## Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 30/11/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	77.86	1.90%	0.77%	-4.88%	-3.68%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	83.10	1.70%	1.42%	-3.73%	-4.44%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.28	2.14%	2.03%	2.75%	-4.40%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.79	-1.64%	-8.00%	-22.25%	-59.07%		
TTF Gas	EUR/MWh	40.36	-5.64%	-9.54%	-20.15%	-72.43%		
Vàng	Ounce	2,043.94	0.10%	2.77%	2.45%	15.63%		PNJ
Bạc	Ounce	25.00	-0.02%	5.84%	7.26%	12.63%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,345.75	-0.06%	-0.79%	4.91%	-8.79%	DBC, QNS	PNJ, HKB
Sữa	Cwt	16.11	-5.95%	-5.95%	-4.45%	-18.76%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	144.00	-0.48%	-1.17%	-0.69%	11.89%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	26.86	-0.48%	-1.32%	0.41%	36.83%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	387.00	0.00%	0.00%	-7.31%	-26.29%		DPM, DCM
Niken	LB	16,539.00	4.39%	2.11%	-9.46%	-38.50%		PC1
Đồng	LB	3.80	-0.02%	0.96%	3.85%	1.62%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,440.00	1.67%	9.91%	-4.31%	-7.51%		CSV
Thép	CNY/ton	3,904.00	-0.36%	-2.06%	5.31%	4.25%		HPG
Nhôm	Ton	2,221.50	0.20%	0.14%	-1.99%	-10.33%	CAV, SAM, TGP, VTH	

## Thông tin nổi bật

### Giá dầu

- Giá dầu thô Brent giao sau tăng 1.42 USD, tương đương 1.7%, chốt ở 83.10 USD/thùng, trong khi giá dầu thô West Texas Intermediate (WTI) tương lai của Mỹ tăng 1.45 USD, tương đương 1.9%, chốt ở 77.86 USD/thùng.
- Dầu tăng giá trong phiên giao dịch ngày thứ Tư khi các nhà đầu tư chuyển sự chú ý sang cuộc họp quyết định chính sách sản lượng của OPEC+, và sự gián đoạn nguồn cung do cơn bão ở Biển Đen cùng lượng tồn kho thấp hơn của Mỹ đã thúc đẩy nhà đầu tư mua vào.

### Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.1% lên 2,043.94 USD/ounce vào lúc 20:44 GMT, sau khi chạm mức cao nhất kể từ ngày 5/5/2023. Giá vàng kỳ hạn của Mỹ tăng 0.3% lên 2,067.1 USD.
- Vàng đã tăng gần mức cao nhất trong bảy tháng do kỳ vọng về việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể cắt giảm lãi suất vào nửa đầu năm tới.

### Quặng sắt

- Quặng sắt giao tháng 1/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc chốt phiên giảm 0.5% xuống 955.5 nhân dân tệ (134.17 USD)/tấn. Trong khi đó, quặng sắt tháng 1/2024 của Sàn giao dịch Singapore tăng 0.8% lên 128.40 USD/tấn sau khi giảm 3% trong phiên trước đó.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tại Đại Liên kéo dài đà giảm phiên thứ năm liên tiếp do thị trường phản ứng với sự can thiệp liên tục của chính phủ.

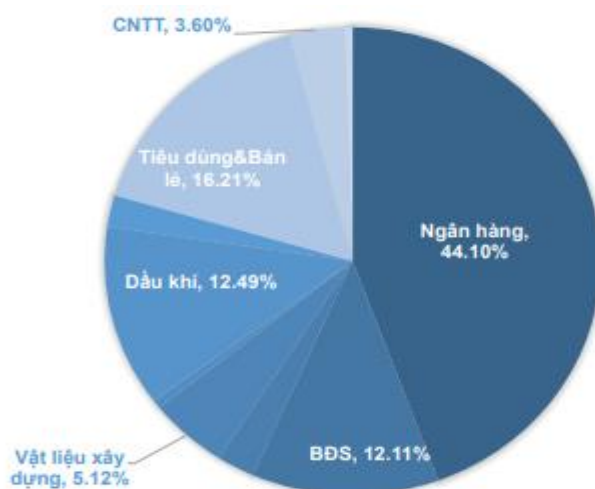
### Giá hàng hóa khác

- Tại Chicago, giá lúa mì kết thúc phiên tăng 13-3/4 cent lên 5.85-3/4 USD/bushel, giá đóng cửa cao nhất kể từ ngày 15/11.
- Đậu tương tăng 1/2 cent lên 13.47 USD/bushel do hạn hán ở Brazil bao trùm sản lượng tại quốc gia xuất khẩu hàng đầu, bất chấp những cơn mưa gần đây và dự báo sẽ có mưa nhiều hơn.

## Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	84.7	-0.5%	1.0	19,530	3.2	5,797	14.6	105,000	23.5%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	38.8	-1.1%	0.7	9,136	1.2	4,025	9.7	54,578	17.1%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	19.1	-0.8%	1.0	6,252	5.3	1,727	11.1	23,685	16.6%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	29.5	-1.3%	1.5	4,287	3.4	5,059	5.8	-	22.5%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	17.8	-0.3%	1.3	3,829	4.2	3,496	5.1	24,400	23.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	27.5	-1.1%	0.9	2,139	15.4	3,600	7.6	31,200	24.4%	<a href="#">Link</a>
GVR	BDS KCN	20.0	0.8%	1.6	3,300	2.8	714	28.0	19,100	0.5%	<a href="#">Link</a>
KBC	BDS KCN	31.1	0.3%	1.6	985	10.6	4,368	7.1	42,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
IDC	BDS KCN	49.0	0.6%	1.4	667	7.3	3,969	12.3	45,900	11.1%	<a href="#">Link</a>
VGC	BDS KCN	54.5	3.2%	1.7	1,008	5.7	2,651	20.6	-	4.8%	<a href="#">Link</a>
HPG	Vật liệu xây dựng	26.6	-1.7%	1.7	6,369	23.2	(328)	-80.9	23,300	26.4%	<a href="#">Link</a>
VHM	Bất động sản	41.3	0.2%	1.5	7,419	13.2	10,341	4.0	79,900	24.2%	<a href="#">Link</a>
VRE	BDS	22.1	-4.7%	1.3	2,072	3.6	1,588	13.9	38,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
KDH	BDS	31.2	-1.1%	1.7	1,029	2.4	1,280	24.4	44,100	38.9%	<a href="#">Link</a>
NLG	BDS	37.0	-0.8%	1.3	586	3.9	1,582	23.4	46,100	41.4%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	94.5	-1.4%	1.5	1,481	6.2	10,728	8.8	85,000	13.5%	<a href="#">Link</a>
DPM	Phân bón	33.0	1.1%	0.9	532	1.9	6,403	5.1	41,000	15.4%	<a href="#">Link</a>
DCM	Phân bón	32.0	1.4%	1.2	699	3.9	4,286	7.5	36,000	11.4%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	76.5	-1.7%	0.7	7,248	1.5	5,567	13.7	110,500	2.9%	<a href="#">Link</a>
PLX	Dầu khí	35.1	-2.0%	1.0	1,840	1.2	2,125	16.5	45,000	17.3%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	38.6	-1.0%	1.2	761	10.9	1,953	19.8	38,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	28.0	-1.9%	1.3	642	6.3	449	62.4	29,000	21.3%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	11.2	-0.4%	0.8	1,087	2.0	602	18.7	14,500	6.2%	<a href="#">Link</a>
VNM	F&B	67.4	-1.5%	0.6	5,811	7.2	3,935	17.1	81,700	54.4%	<a href="#">Link</a>
MSN	F&B	60.5	-3.8%	1.4	3,571	5.6	916	66.1	27,700	30.5%	<a href="#">Link</a>
MWG	Bán lẻ	38.5	-0.8%	1.6	2,323	6.4	1,069	36.0	63,800	49.0%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	80.5	0.8%	0.7	1,089	1.9	5,503	14.6	83,500	49.0%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	66.0	-3.4%	0.8	509	1.9	7,080	9.3	90,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	70.2	0.3%	0.6	886	1.2	7,470	9.4	57,000	47.0%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	91.9	0.2%	0.7	4,815	7.5	4,573	20.1	108,000	49.0%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



## Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	26.3	-10.50%	0.9	5,214	2.9	3,664	7.2	1.1	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.0	-0.5%	0.9	3,517	4.7	3,722	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.0	-0.3%	0.8	2,148	4.4	2,765	6.5	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.3	0.7%	0.8	1,614	2.9	1,410	10.9	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	18.7	-0.5%	1.3	1,957	1.0	3,534	5.3	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	21.0	-0.5%	1.9	1,053	24.5	467	44.9	1.7	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.0	0.9%	1.1	1,544	6.1	2,697	6.3	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	31.3	-0.9%	1.4	1,936	21.5	1,090	28.7	2.1	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	17.0	-0.9%	1.9	223	4.2	318	53.3	6.8	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.7	0.9%	1.7	0	0.6	445	26.3	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	62.0	0.2%	1.5	254	3.9	681	91.0	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	14.2	-1.7%	1.4	240	2.5	919	15.4	0.5	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.8	-1.7%	2.0	92	2.3	482	24.5	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	58.2	0.0%	0.7	2,485	0.8	418	139.3	3.4	2.7%	1.7%
HUT	KCN	19.9	2.1%	1.3	733	3.9	56	352.2	4.9	2.0%	1.3%
PHR	KCN	47.2	0.7%	1.2	264	0.6	6,568	7.2	1.8	15.4%	26.9%
SZC	KCN	43.1	0.6%	1.6	213	4.0	1,405	30.7	3.2	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	21.4	-1.4%	1.9	545	9.4	(2,105)	-10.2	1.3	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.2	3.0%	1.3	192	0.4	176	69.4	1.0	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	23.0	0.4%	2.0	250	12.0	(2,655)	-8.7	1.2	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	57.6	-0.9%	0.7	159	0.1	5,309	10.8	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.0	-0.6%	1.7	79	0.9	1,482	16.9	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BDS	17.7	-2.2%	1.9	1,424	18.6	(295)	-59.9	0.9	3.8%	1.9%
DXG	BDS	20.0	0.5%	2.6	503	13.9	(317)	-63.1	0.9	18.5%	3.4%
HDC	BDS	32.6	-2.0%	1.5	181	3.8	2,190	14.9	2.4	2.0%	16.9%
DIG	BDS	24.7	-1.4%	2.4	621	17.3	152	162.2	2.0	5.6%	1.1%
IJC	BDS	13.4	-0.7%	1.7	139	0.6	1,597	8.4	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	18.8	-1.1%	1.5	0	4.3	1,596	11.8	1.1	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	26.2	0.8%	0.7	350	4.8	2,993	8.8	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	30.1	-0.7%	1.3	100	0.1	1,353	22.2	1.9	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	22.8	-1.5%	0.9	112	0.1	1,980	11.5	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	57.1	-0.9%	0.8	963	0.3	6,445	8.9	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	21.5	-1.8%	1.7	755	13.3	384	55.9	0.9	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.0	-0.2%	0.6	286	0.2	2,560	9.4	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	27.6	-0.2%	1.5	348	1.2	2,739	10.1	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	26.7	-0.9%	1.5	343	2.8	944	28.3	1.3	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.2	0.4%	0.7	186	0.1	636	20.8	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.6	0.0%	2.5	190	2.3	(79)	-109.7	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	65.0	-1.8%	0.5	3,439	1.5	3,518	18.5	3.4	62.3%	18.7%
QNS	F&B	46.2	0.9%	0.5	0	0.7	4,965	9.3	2.1	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	102.4	2.6%	1.0	576	2.5	(327)	-312.9	8.7	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	50.5	-1.9%	2.0	348	2.4	2,984	16.9	3.8	23.6%	21.9%
DBC	F&B	24.7	2.1%	1.8	247	12.4	551	44.8	1.3	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	24.2	-3.2%	2.2	106	0.4	837	28.9	1.3	1.4%	5.7%
BAF	F&B	25.4	-0.6%	0.4	150	2.2	1,225	20.7	2.1	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	29.2	-1.2%	1.5	160	1.3	2,162	13.5	1.5	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	27.5	-1.3%	0.6	151	0.6	1,370	20.1	1.2	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	35.5	-1.7%	1.0	154	4.6	5,742	6.2	1.2	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	92.0	1.4%	1.1	434	1.5	4,238	21.7	6.4	9.7%	32.1%
TNG	Đệt may	18.2	-1.6%	1.1	85	0.7	2,353	7.7	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	<a href="#">Click</a>
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	<a href="#">Click</a>
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		<a href="#">Click</a>
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		<a href="#">Click</a>
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		<a href="#">Click</a>
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		<a href="#">Click</a>

## Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

### BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

### Đối với Phân tích Nghiên cứu

#### Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(+84) 39352722 - Ext 108

### Đối với Khách hàng tổ chức

#### Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(+84)2439264659

### Đối với Khách hàng cá nhân

#### Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn  
(+84)2437173639

